

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 30-01-2024
V/v ly hôn và tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Giang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Công Luận

2. Ông Trương Văn Phúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Lan Chi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm tham gia phiên tòa:
Bà Huỳnh Thị Duyên Em – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 532/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2023 về việc ly hôn và tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2024/QĐST-HNGĐ ngày 17/01/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hồng V, sinh năm 2000

Hộ khẩu thường trú: Ấp H, xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre

Chỗ ở hiện nay: Ấp M, xã S, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn: Anh Võ Duy L, sinh năm 1997

Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Chị V có mặt. Anh L vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng V trình bày:

Chị và anh Võ Duy L chung sống với nhau từ năm 2017, trên cơ sở tự nguyện nhưng chưa đăng ký kết hôn. Năm 2018, chị và anh L đăng ký kết hôn tại

Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 16/4/2018. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu. Đến năm 2020, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp nhau nên đã sống ly thân từ tháng 8/2023 đến nay. Do xác định tình cảm vợ chồng không còn hàn gắn được nữa nên chị yêu cầu được ly hôn với anh L.

Về con chung: Chị và anh L có 01 con chung là cháu Võ Duy L, sinh ngày 27/6/2017, hiện nay đang sống với chị. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu L, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn anh Võ Duy L vắng mặt nhưng tại bản tự khai, biên bản hòa giải anh trình bày:

Anh thống nhất với trình bày của chị V về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn, nơi đăng ký kết hôn, thời gian chung sống. Riêng nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn như chị V trình bày là không đúng, vợ chồng không có phát sinh mâu thuẫn gì lớn đến mức phải ly hôn. Anh và chị V đã sống ly thân từ tháng 10/2023 đến nay. Anh xác định vẫn còn thương vợ, thương con nên không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Có 01 con chung là cháu Võ Duy L, sinh ngày 27/6/2017, hiện đang sống với chị V. Nếu Tòa án buộc ly hôn, anh đồng ý để chị V được tiếp tục nuôi cháu L, anh không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu tòa án xem xét giải quyết.

Kiểm sát viên Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký: Thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Hồng V về việc ly hôn với anh Võ Duy L. Về con chung: Giao cháu Võ Duy L, sinh ngày 27/6/2017 cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận chị V không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Hồng V yêu cầu ly hôn và tranh chấp nuôi con với anh Võ Duy L, cư trú tại ấp H, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre là vụ án hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn anh Võ Duy L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại tòa không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành giải quyết vụ án vắng mặt anh L là phù hợp với quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh L chung sống với nhau từ năm 2017, trên cơ sở tự nguyện nhưng chưa đăng ký kết hôn. Năm 2018, chị và anh L đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 16/4/2018 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Theo đó, chị V cho rằng sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu. Đến năm 2020, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp nên đã sống ly thân từ tháng 8/2023 đến nay. Do xác định tình cảm vợ chồng không còn hàn gắn được nữa nên chị yêu cầu được ly hôn với anh L. Còn anh L cho rằng vợ chồng không có phát sinh mâu thuẫn gì lớn nên không đồng ý ly hôn. Xét thấy, Tòa án đã tiến hành hòa giải để chị V, anh L đoàn tụ nhưng không thành. Anh L không đồng ý ly hôn nhưng anh không đưa ra được giải pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Còn chị V không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng và kiên quyết yêu cầu ly hôn. Mặc khác, chị V và anh L đã sống ly thân, mỗi người có một cuộc sống riêng. Như vậy, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa chị V và anh L đã mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không còn tình cảm, quan tâm chăm sóc lẫn nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị V đối với anh L là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Chị V và anh L có 01 con chung là cháu Võ Duy L, sinh ngày 27/6/2017. Chị V yêu cầu được nuôi cháu L. Xét thấy, cháu L hiện nay đang sinh sống ổn định với chị V. Hơn nữa, khi ly hôn anh L cũng đồng ý để chị V được tiếp tục nuôi dưỡng cháu L. Do đó, để đảm bảo quyền và lợi ích về mọi mặt của cháu L, tránh làm xáo trộn cuộc sống hiện nay của cháu, cần giao cháu L cho chị V tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị V tự nguyện không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị V, anh L khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân, gia đình sơ thẩm: Chị V phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Các Điều 147, 273, 278 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hồng V đối với anh Võ Duy L.

Chị Nguyễn Thị Hồng V được ly hôn với anh Võ Duy L.

2. Về con chung: Giao cháu Võ Duy L, sinh ngày 27/6/2017 cho chị Nguyễn Thị Hồng V được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi.

Ghi nhận việc chị Nguyễn Thị Hồng V tự nguyện không yêu cầu anh Võ Duy L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Anh Võ Duy L được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc của cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Hồng V và anh Võ Duy L khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Hồng V phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số: 0002551 ngày 22/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Bến Tre.

Quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ

ngày Tòa án tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được thông báo, niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện G;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND xã T, huyện G;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Khắc Giang